

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KHỐI MẪU GIÁO NHỖ 4 – 5 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường năm học 2025 – 2026;
Căn cứ vào cơ sở vật chất, đặc điểm tình hình thực tế của trẻ. Khối mẫu giáo
nhỡ 4 - 5 tuổi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực thể chất				
a) Chiều cao cân nặng				
1	Cân nặng Trẻ trai: 14,4 – 23,5 kg. Trẻ gái: 13,8 – 23,2 kg. Chiều cao: Trẻ trai: 100,7 – 119,1 cm. Trẻ gái: 99,5 – 117,2 cm			
b) Phát triển vận động				
2	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân: tay: - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp vẩy bàn tay, mở bàn tay. + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi người phía trước, ngửa người ra sau + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải . - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân, co cao đầu gối.	1 -> 9	
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế	+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng. + Đi bằng gót chân, đi khuyu	5,6	

	thể dục hoặc trên vạch kẻ sân. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m	gối, đi lùi + Bước liên tục về phía trước. + Bước xa 35 - 40cm. + Bước - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bước tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bước qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m	1,2,3 2,8 3 4 6 7 9	
4	Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đích dắc)	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn + Chạy chậm 60 - 80m.	4 9 7	
5	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng + Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân + Ném trúng đích bằng 1 tay + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm + Trèo lên, xuống 5 giống thang.	4 6 1 9 8 3,7 8	
6	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2m) + Bò trong đường đích dắc không chệch ra ngoài	+ Chạy 15 m trong khoảng 10 giây. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay + Ném trúng đích ngang bằng 1 tay + Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4 m + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m + Trườn theo hướng thẳng.	8 3,9 3 1 6 4,5	
7	- Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập, mở các ngón tay.	+ Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, ve, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, bàn tay, gấn nổi... + Gập giấy	1->4	
8	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động:	+ Tô, vẽ hình + Xé, cắt đường thẳng + Lắp ghép hình	2,3,5, 6,7,9	

	+ Vẽ hình người, nhà, cây + Cắt thành thạo theo đường thẳng + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối + Biết tết sợi đôi + Tự cài, cởi cúc áo, buộc dây g	+ Tết sợi đôi + Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.		
c) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
9	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Nhận biết các dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em	1	
10	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản		2	
11	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...	2	
12	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng + Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn	2,3	
13	- Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	1	
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã	- Trẻ có thói quen mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, không uống nước lã. - Tập ăn nhiều rau, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	1	

15	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản . - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, phân biệt theo quy định nhà vệ sinh nam, nữ	2,4	
16	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3	
17	Trẻ nhận ra những nơi: ao hồ, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm không được chơi gần;		5,7	
18	'Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn ôi thiu, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		1,6	
19	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ + Biết gọi người lớn khi gặp	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Yêu cầu trợ giúp khi gặp	3,5,8	

	một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	nguy hiểm: tìm nguồn trợ giúp từ cộng đồng khi rơi vào tình huống nguy hiểm.		
2, Lĩnh vực phát triển nhận thức				
* Khám phá khoa học				
20	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: “ Vì sao cây lại héo?”. “Vì sao lá cây bị úớt?”	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ chơi, đồ dùng;	2->9	
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.		
22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách , tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả		
23	- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng của một số PTGT - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người. Nhận biết biểu hiện biến đổi khí hậu nắng nóng kéo dài; Rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến con người và sự vật, một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét. - Các nguồn nước trong môi trường sống		

		- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.		
24	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Nguyên nhân và tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	3 5,6 8	
25	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối	8	
26	-Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nước, cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Cách ứng phó đơn giản với một số hiện tượng BDKH ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	8	
27	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu ; - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.	5,6 1,3 7	
28	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Chơi các trò chơi - Hát các bài hát về cây, con vật... -Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	2->9	
* Khám phá xã hội				
29	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của	2	

	được hỏi, trò chuyện.	bản thân.		
30	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tìm hiểu họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình	3	
31	- Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (đội bản, xã) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (Thôn, bản, xã, tỉnh).	3	
32	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp bé đang học.	1	
33	- Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường mầm non.	1	
34	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.		
35	Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi , trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Nghề nông, nghề dệt, nghề đan lát. - Mọi nghề thì người làm nghề đều bình đẳng như nhau không xem trọng nam hay nữ.	4	
36	- Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội và lễ hội địa phương: Lễ hội hoa ban, lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất.	- Tìm hiểu đặc điểm nổi bật, ý nghĩa của một số ngày lễ hội: Ngày hội đến trường, Tết trung thu, ngày tết thiếu nhi, lễ hội hoa ban, lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất...	1,2,7,8	
37	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử của Điện Biên, Xã Thanh An.	- Tìm hiểu đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước, một số di tích lịch sử ở Điện Biên: hầm Đờ Cát, hầm Đại tướng, đồi A1.... Đền Hoàng Công Chất.	8	

* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
38	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi; “bao nhiêu?”. “Là số mấy?”	- Luyện đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số đội bản, biển số xe).	1->9	
39	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10			
40	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.			
41	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	2,3, 4,5,6, 8	
42	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả bằng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau ;	2->8	
43	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả;	2,3, 5,6	
44	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	-Tách được một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau.		
45	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	4	
46	Trẻ được sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	4 8	
47	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật..)	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1,	

48	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3,7	
49	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải- phía trái).	2,5, 9	
50	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
51	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	Hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu liên tiếp	3,7	
52	Trẻ hiểu được một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	4,5,6	
53	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe, hiểu nội dung các câu chuyện kể, truyện đọc phù hợp với tuổi; - Nghe các bài thơ, bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi; - Nghe, hiểu nội dung của các câu đơn, câu mở rộng, câu phức;	1- >9	
54	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai ?, cái gì ?, ở đâu ?, khi nào?, Để làm gì?,...	2, 3,8,9	
55	Trẻ nói rõ để người nghe hiểu được	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	6,7	
56	Trẻ biết sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	8,9	
57	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			

58	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	9	
59	Trẻ đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9	
60	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	Kể lại truyện đã được nghe	7->9	
61	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch	8	
62	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp.	1,8,9	
63	Trẻ mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	7,9	
64	Trẻ biết chọn sách để xem.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau;	6,8	
65	Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giở từng trang để xem tranh ảnh, đọc sách theo minh họa.	- Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách - “Đọc” truyện qua tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách; - Làm quen với cách đọc tiếng việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.	5,6,9	
66	Trẻ nhận ra được một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm và một số biển báo giao thông khu vực công trường...	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).	1,3,7,8	
67	Trẻ biết sử dụng một số kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen và nhận dạng 10-15 chữ cái - Tập tô, tập đồ, làm quen 1 số nét cơ bản - Làm quen cách viết tiếng việt: Hướng viết các nét chữ	7	

4, Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
68	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ. - Trẻ phòng tránh bị người cùng giới, khác giới xâm hại, và biết yêu cầu sự giúp đỡ của người lớn khi có dấu hiệu bị xâm hại.	2,3	
69	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Thích làm những điều mới mẻ	2	
70	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)			
71	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Tự lấy đồ chơi, chọn trò chơi theo ý thích. - Mọi trẻ đều bình đẳng khi lựa chọn đồ chơi, góc chơi và nhóm chơi.	1,2,5	
72	Trẻ nhận biết cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh. - Yêu mến, quan tâm những người thân trong gia đình	2,3	
73	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình..	6	
74	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Tìm hiểu về Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh ảnh, Video.	9	
75	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua các bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hát và vận động các bài hát về Bác Hồ - Đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ.	9	
76	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ	Nhận biết, quan tâm đến di	8	

	hội của quê hương Điện Biên, xã Thanh An	tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước, các di tích lịch sử ở Điện Biên, xã Thanh An		
77	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Thực hiện đúng quy định về chỗ ngủ riêng theo giới tính	1,3,7	
78	Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói văn minh lịch sự, cử chỉ lễ phép, có hành vi ứng xử tốt với cô, với bạn.	1,6,7	
79	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.			
80	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác. - Quan tâm, giúp đỡ bạn - Mọi trẻ đều có thể thực hiện cùng nhau với các hoạt động chung không phân biệt nam, nữ	2,4,5, 8,9	
81	Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.			
82	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối	4->6	
83	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Tiết kiệm điện nước	3	
84	Không bẻ cành bứt hoa,	- Phân biệt hành vi đúng - sai, tốt - xấu - Giữ gìn vệ sinh môi trường	6,7	
85	Biết bỏ rác đúng nơi quy định			
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
86	Trẻ vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên,	1->8	

87	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
88	Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc; Thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	1->9	
89	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1 ->9	
90	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1->9	
91	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	8	
92	Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, phách, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu của bài hát.	7->9	
93	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu, vỏ hộp, đồ chơi để xếp, ghép hình tạo ra sản phẩm theo ý thích.	1->9	
94	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.			

95	Trẻ biết xé, cắt đường thẳng, đường cong,... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét..	1->9	
96	Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bề loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn sản phẩm có nhiều chi tiết.			
97	Trẻ biết phối kết hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.			
98	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	6	
99	Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Nói lên được ý tưởng tạo hình của mình	7,9	
100	Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình	8	

DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian (Tháng, từ ngày...đến ngày)	STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 3 tuần (Từ ngày (8/9 -> 26/9/2025)	1	Trường mầm non	- Trường mầm non của bé - Đồ dùng đồ chơi của lớp - Lớp học của bé	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày hội đến trường	3

Tháng 10 4 tuần (Từ ngày 29/9 đến 24/10/2025)	2	Bé giới thiệu về mình - Tết trung thu	- Tết trung thu - Bé giới thiệu về mình - Cơ thể diệu kỳ của bé - Nhu cầu của bé.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Tết trung thu	4
Tháng 11 4 tuần (Từ ngày 27/10 đến 21/11/2025)	3	Gia đình - Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	- Ngôi nhà bé yêu - Đồ dùng gia đình bé. - Nhu cầu gia đình - Ngày hội của cô giáo 20/11	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày nhà giáo Việt Nam	4
Tháng 12 4 tuần Từ ngày 24/11 đến ngày 19/12/2025	4	Bé thích làm nghề gì	- Nghề sản xuất - Nghề xây dựng - Nghề truyền thống địa phương (thổ cẩm, đan lát) - Nghề bộ đội	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày thành lập Quân đội nhân dân VN	4
Tháng 12- 1/2025 (4 tuần từ ngày 22/12/25 đến ngày 16/1/2026)	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước. - Côn trùng	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần		4
Tháng 1- 2 (5 tuần từ ngày 19/1 đến ngày 27/2/2026)	6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây - Một số loại hoa - Một số loại quả - Tết nguyên đán và mùa xuân - Một số loại rau	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Tết nguyên đán	5

Tháng 3 3 tuần từ ngày 2/3 đến ngày 20/3/2026	7	PT và quy định giao thông	- Một số PTGT đường bộ - Một số PTGT đường thủy, đường hàng không - Một số quy định GT	1 tuần 1 tuần 1 tuần		3
Tháng 4 (3 tuần từ ngày 23/3 đến ngày 17/4/2026)	8	Nước -Các hiện tượng thiên nhiên	- Một số hiện tượng thiên nhiên - Nước và đời sống con người - Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất - Mùa hè	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất	4
Tháng 4-5 (4 tuần đến ngày 21/4 đến ngày 23/5/2026)	9	Quê hương Đất nước Bác Hồ - Tết thiếu nhi	- Đất nước Việt Nam - Quê hương Điện Biên - Bác Hồ kính yêu - Tết thiếu nhi	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Sinh nhật Bác	4
Tổng cộng: 35 tuần						

BAN GIÁM HIỆU

Cà Thị Thanh Huyền

